
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT- CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 27
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>6 – 09</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017</i>	<i>11 – 12</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2017</i>	<i>13 – 27</i>

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Thái Hòa tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp nước Thái Hòa (được chuyển đổi từ Nhà máy nước Nghĩa Đàn). Là Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900905397, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 11 năm 1998.

Theo Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 12/03/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc cổ phần hóa công ty TNHH MTV cấp nước Thái Hòa. Đến ngày 05 tháng 01 năm 2016. Công ty đã hoàn tất các thủ tục cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thái Hòa. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900905397 thay đổi lần thứ 4 ngày 05 tháng 01 năm 2016. Ngày 10 tháng 10 năm 2016, Công ty thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 5.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 5 là: 45.786.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2017: 45.786.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 15 - Khối Liên Thắng - P. Hòa Hiếu - TX Thái Hòa - Nghệ An.

Điện thoại : 0383 811 163

Mã số thuế : 2900905397

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 27).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Việt	Chủ tịch

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Mạnh Hùng	Phó Giám đốc phụ trách

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Hà Nội đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2018
Thay mặt Ban Giám đốc

Phó Giám đốc phụ trách



Ngô Mạnh Hùng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thái Hòa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI**

Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên

Vũ Thị Thiết

GCNĐKHNTK số: 3980-2017-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.110.520.523	4.110.647.852
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.872.776.328	2.097.643.809
1.	Tiền	111		1.872.776.328	2.097.643.809
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		948.064.000	954.043.915
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	947.614.000	954.043.915
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	450.000	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136		-	-
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		613.610.096	543.323.815
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	613.610.096	543.323.815
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		676.070.099	515.636.313
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	-	21.662.228
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		602.431.690	410.803.496
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		73.638.409	83.170.589
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51.779.231.213	49.681.398.803
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		42.114.297.475	41.676.249.093
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	42.114.297.475	41.676.249.093
	<i>Nguyên giá</i>	222		47.778.823.611	46.053.731.623
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.664.526.136)	(4.377.482.530)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		9.423.290.808	7.805.291.905
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	9.423.290.808	7.805.291.905
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		241.642.930	199.857.805
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	241.642.930	199.857.805
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.889.751.736	53.792.046.655



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		2.731.562.426	2.759.320.625
I.	Nợ ngắn hạn	310		2.731.562.426	2.759.320.625
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	542.130.290	605.502.637
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	44.272.122	31.018.596
4.	Phải trả người lao động	314		238.858.526	132.000.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	1.906.301.488	1.990.799.392
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		53.158.189.310	51.032.726.030
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.11	53.158.189.310	51.032.726.030
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.786.000.000	45.786.000.000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		45.786.000.000	45.786.000.000
-	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		142.931.621	-
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		260.593.513	285.863.243
-	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		85.758.973	116.143.866
-	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		174.834.540	169.719.377
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		6.968.664.176	4.960.862.787
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		55.889.751.736	53.792.046.655

Người lập biểu



Lương Thị Minh Thu

Kế toán trưởng



Cao Thị Huỳnh Trang

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Phó Giám đốc phụ trách



Ngô Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

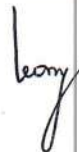
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.548.789.810	4.970.209.308
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.548.789.810	4.970.209.308
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.954.857.360	3.589.420.136
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.593.932.450	1.380.789.172
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.224.834	5.884.180
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	1.521.866.421	1.224.653.038
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.290.863	162.020.314
11. Thu nhập khác	31	VI.5	198.065.765	52.419.522
12. Chi phí khác	32	VI.6	93.752.727	42.227.495
13. Lợi nhuận khác	40		104.313.038	10.192.027
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		179.603.901	172.212.341
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	4.769.361	2.492.964
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>174.834.540</u>	<u>169.719.377</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>38,19</u>	<u>37,07</u>

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lương Thị Minh Thu

Cao Thị Huỳnh Trang



Ngô Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		5.225.115.652	5.795.832.440
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.198.663.203)	(1.816.519.991)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.436.422.882)	(2.025.511.740)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(2.492.964)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		257.162.664	221.025.730
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(489.451.423)	(438.947.348)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.357.740.808	1.733.386.127
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.731.634.512)	(2.199.779.949)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		138.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.224.834	5.884.180
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.590.409.678)	(2.193.895.769)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		2.007.801.389	1.582.711.287
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.007.801.389	1.582.711.287
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(224.867.481)	1.122.201.645
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.097.643.809	975.442.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.872.776.328	2.097.643.809

Người lập biểu



Lương Thị Minh Thu

Kế toán trưởng



Cao Thị Huỳnh Trang

Lập ngày 26 tháng 02 năm 2018

Phó Giám đốc phụ trách



Ngô Mạnh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thăng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	7 - 15
Phương tiện vận tải	7 - 30

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thăng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

10. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

12. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài

chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	543.539.930	913.413.963
Tiền gửi ngân hàng	1.329.236.398	1.184.229.846
Cộng	<u>1.872.776.328</u>	<u>2.097.643.809</u>

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nội bộ và kè bờ lâm viên Bàu Sen, Thị Xã Thái Hoà	523.600.000	523.600.000
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thị Xã Thái Hoà	168.277.000	168.277.000
Hội đồng bồi thường hỗ trợ, tái định cư và GPMB để thực hiện DA hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Thái Hòa	213.107.000	213.107.000
Các khách hàng khác	42.630.000	49.059.915
Cộng	<u>947.614.000</u>	<u>954.043.915</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phú Đại Lộc	450.000	-
Cộng	<u>450.000</u>	<u>-</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	384.135.240	-	338.236.202	-
Công cụ, dụng cụ	101.044.000	-	45.800.000	-
Hàng hóa	128.430.856	-	159.287.613	-
Cộng	<u>613.610.096</u>	<u>-</u>	<u>543.323.815</u>	<u>-</u>

5. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	21.662.228	17.626.342
Phát sinh tăng	15.873.910	75.073.000
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(37.536.138)	(71.037.114)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>21.662.228</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	199.857.805	256.440.582
Phát sinh tăng	278.700.455	138.479.636
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(236.915.330)	(195.062.413)
Số cuối năm	<u>241.642.930</u>	<u>199.857.805</u>

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.402.777.029	389.479.980	43.261.474.614	46.053.731.623
Tăng trong năm				
<i>Mua sắm mới</i>	-	317.920.000	-	317.920.000
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	117.309.198	-	1.667.546.426	1.784.855.624
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(377.683.636)	(377.683.636)
Số cuối năm	<u>2.520.086.227</u>	<u>707.399.980</u>	<u>44.551.337.404</u>	<u>47.778.823.611</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	608.144.831	84.397.500	3.684.940.199	4.377.482.530
Tăng do trích khấu hao trong năm	235.785.799	51.905.120	1.176.221.932	1.463.912.851
Khấu hao giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(176.869.245)	(176.869.245)
Số cuối năm	<u>843.930.630</u>	<u>136.302.620</u>	<u>4.684.292.886</u>	<u>5.664.526.136</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.794.632.198	305.082.480	39.576.534.415	41.676.249.093
Số cuối năm	<u>1.676.155.597</u>	<u>571.097.360</u>	<u>39.867.044.518</u>	<u>42.114.297.475</u>

Tài sản cố định là Phương tiện vận tải, truyền dẫn có nguyên giá 1.955.530.907 VND không nằm trong danh mục định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm		Chi phí phát sinh trong năm		Kết chuyển TSCĐ trong năm		Số cuối năm	
Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Thái Hòa	3.439.253.993		16.136.843		-			3.455.390.836
Cải tạo nâng cấp hệ thống cấp 1 bằng gang, sắt sang nhựa	3.835.277.410		1.936.090.082		-			5.771.367.492
Công trình bổ sung 10 tuyến ống nước	411.077.899		220.941.049		(632.018.948)			-
Công trình Dàn tôn công ty	-		31.838.691		(31.838.691)			-
Di dời đường ống cấp nước đường tỉnh lộ 545 đoạn qua thị xã Thái Hòa	-		451.712.325		(451.712.325)			-
Hệ thống cấp nước khối Lê Lợi, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa	-		520.571.096		(520.571.096)			-
Xây dựng cơ bản dở dang công trình khác	119.682.603		225.564.441		(148.714.564)			196.532.480
Cộng	7.805.291.905		3.402.854.527		(1.784.855.624)			9.423.290.808

8. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH XNK và ĐT Phương Thủy	-	289.826.195
Công ty cổ phần thương mại và tự động hóa ADI	-	58.450.942
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển An Việt	322.095.290	176.902.500
Công ty Cổ phần Xây dựng Hoàng Thái	80.323.000	80.323.000
Công ty cổ phần QS Việt Nam	139.712.000	-
Cộng	542.130.290	605.502.637

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	33.592.000	910.717	910.717	-	33.592.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp			4.769.361	-	4.769.361	
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	2.858.068	2.858.068	-	-
Thuế tài nguyên	-	49.578.589	9.532.180	-	-	40.046.409
Tiền thuê đất	-	-	33.020.825	33.020.825	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	31.018.596	-	461.988.819	453.504.654	39.502.761	
Cộng	31.018.596	83.170.589	516.079.970	493.294.264	44.272.122	73.638.409

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Khai thác, xử lý và cung cấp nước sinh hoạt;	5 %
Bán buôn vật liệu; Cung cấp thiết bị lắp đặt khác (chuyên ngành cấp thoát nước, thủy lợi)	10 %

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được trình bày tại thuyết minh số VI.7.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

10. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết (*)	1.742.301.488	1.955.530.907
Bảo hiểm xã hội	-	28.359.494
Bảo hiểm y tế	-	4.783.151
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.125.840
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	164.000.000	-
Cộng	1.906.301.488	1.990.799.392

(*) Là giá trị tài sản không nằm trong danh mục định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hoá ngày 31 tháng 3 năm 2014. Chi tiết Tài sản thừa chờ giải quyết:

	Năm nay
Số đầu năm	1.955.530.907
Điều chỉnh khấu hao từ năm 2014 -2016	(148.045.055)
Khấu hao trong năm 2017	(65.184.364)
Cộng	1.742.301.488

11. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	45.733.468.676		(374.946.903)	5.877.304.500	51.235.826.273
Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-		-	1.582.711.287	1.582.711.287
Lợi nhuận trong năm	-		169.719.377	-	169.719.377
Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tại thời điểm cổ phần hóa	2.499.153.000		-	(2.499.153.000)	-
Điều chỉnh tài sản thừa chờ xử lý	(1.955.530.907)		-	-	(1.955.530.907)
Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm cổ phần hóa	(491.090.769)		491.090.769	-	-
Số dư cuối năm trước	45.786.000.000		285.863.243	4.960.862.787	51.032.726.030
Số dư đầu năm nay	45.786.000.000		285.863.243	4.960.862.787	51.032.726.030
Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-		-	2.007.801.389	2.007.801.389
Lợi nhuận trong năm	-		174.834.540	-	174.834.540
Trích lập các quỹ	-	142.931.621	(200.104.270)	-	(57.172.649)
Số dư cuối năm nay	45.786.000.000	142.931.621	260.593.513	6.968.664.176	53.158.189.310

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Doanh thu			
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán nước sinh hoạt và sản xuất	4.299.898.968		3.689.897.636
Doanh thu bán vật tư ngành nước và cung cấp dịch vụ	248.890.842		1.280.311.672
Cộng	4.548.789.810		4.970.209.308
2. Giá vốn hàng bán			
Là giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp trong năm		Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp trong năm	2.954.857.360		3.589.420.136
Cộng	2.954.857.360		3.589.420.136
3. Doanh thu hoạt động tài chính			
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.224.834		5.884.180
Cộng	3.224.834		5.884.180
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp			
		Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.083.640.554		845.437.187
Chi phí vật liệu quản lý	-		27.437.357
Chi phí đồ dùng văn phòng	83.256.624		80.348.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	120.891.244		106.089.720
Thuế, phí và lệ phí	115.065.537		91.876.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.877.672		25.668.291
Các chi phí khác	93.134.790		47.795.609
Cộng	1.521.866.421		1.224.653.038
5. Thu nhập khác			
		Năm nay	Năm trước
Thu 10% phí môi trường	43.000.763		36.899.886
Chi phí cổ phần hóa giữ lại	-		15.519.636
Chi phí khấu hao của tài sản thừa chờ xử lý từ năm 2014 đến năm 2016	148.045.055		-
Chi phí khác	7.019.947		-
Cộng	198.065.765		52.419.522

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dung văn phòng	456.095.636	747.170.203
Chi phí nhân công	1.418.432.043	1.546.130.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.463.912.851	1.342.070.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	956.256.897	876.599.632
Chi phí khác	182.016.621	173.652.280
Cộng	<u>4.476.714.048</u>	<u>4.685.623.467</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	80.400.000	132.000.000
Lương, thưởng của Ban Giám Đốc, Kế Toán trưởng	394.722.019	289.719.227
Cộng	<u>475.122.019</u>	<u>421.719.227</u>

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt.

2. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.872.776.328	2.097.643.809
Phải thu khách hàng	947.614.000	954.043.915
Cộng	2.820.390.328	3.051.687.724

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm				
Phải trả người bán	605.502.637	-	-	605.502.637
Các khoản phải trả khác	2.122.799.392	-	-	2.122.799.392
Cộng	2.728.302.029	-	-	2.728.302.029
Số cuối năm				
Phải trả người bán	542.130.290	-	-	542.130.290
Các khoản phải trả khác	2.145.160.014	-	-	2.145.160.014
Cộng	2.687.290.304	-	-	2.687.290.304

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THÁI HÒA

Địa chỉ: Số 15, Khối Liên Thắng, Phường Hòa Hiếu, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Hà Nội.

Lập ngày 26 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu



Lương Thị Minh Thu

Kế toán trưởng



Cao Thị Huỳnh Trang... Quyền số..... Nguyễn Mạnh Hùng

Phó Giám đốc phụ trách



CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 05-03-2018

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HÒA HIẾU



PHÓ CHỦ TỊCH
Kiều Đình Việt